TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 06 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Lê

Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Dương Văn G; sinh ngày 26 tháng 9 năm 1981; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038081018718; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Q (Chết); con bà: Dương Thị C (Chết); có vợ là Đoàn Thị P và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

2. Phan Mạnh H; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1966; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 034066016082; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn T (Chết); con bà: Phạm Thị L; có vợ là Dương Thị B và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

3. Lê Văn K; sinh ngày 21 tháng 11 năm 1991; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038091022118; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C1; con bà: Nguyễn Thị T1;

có vợ là Lê Thị H1 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

4. Quách Văn T2; sinh ngày 17 tháng 12 năm 1980; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038080026883; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách Văn T3 (Chết); con bà: Phạm Thị H2; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

5. Lê Như S; sinh ngày 25 tháng 10 năm 1972; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038072011705; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Như X; con bà: Nguyễn Thị L1; có vợ là Lê Thị H3 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

6. Trịnh Minh T4; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1987; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố A, Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038087015925; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Minh D (Chết); con bà: Trịnh Thị B1; có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 15/11/2002, bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 20/6/2003, bị Công an xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 17/12/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 17/HSST, đã chấp hành xong hình phạt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

7. Lê Đức A; sinh ngày 29 tháng 11 năm 1987; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038087020698; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn N; con bà: Trịnh Thị H4; có vợ là Lê Thị T5 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

8. Nguyễn Văn T6; sinh ngày 18 tháng 3 năm 1985; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố A, Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 038085027295; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P1 (Chết); con bà: Đỗ Thị T7; có vợ là Nguyễn Thị Thanh N1 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Ngô Khắc B2; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Anh Phan Văn C2; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02/02/2025, sau khi uống rượu tại nhà Dương Văn G, ở thôn G, xã T, huyện N, Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2, cùng trú tại thôn G, xã T, huyện N rủ nhau xuống phòng bếp nhà G để đánh bạc bằng hình thức "đánh liêng", sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 cây chia cho mỗi người 03 cây, người chia bài sẽ là người tố, số tiền đặt cửa tối thiểu là 10.000đ, tố lên tối đa là 150.000đ, sau đó những người chơi tiếp theo nếu theo thì đặt tiền theo người tố và có quyền tố tiếp theo ý của mình, sau khi chia bài xong sẽ tính tổng điểm của ba cây bài lấy số điểm hàng đơn vị, điểm lớn nhất là 9 điểm, tố lần lượt ai cao điểm nhất thì thắng, trong ván bạc nếu có hai người trở lên cao điểm nhất và bằng điểm nhau thì "chào" những người còn lại nếu muốn chơi tiếp sẽ mua chào với số tiền tùy thuộc vào số tiền chào, sau đó người nào có điểm bài cao nhất sẽ thắng và thu tiền về, khi 04 bị cáo đánh bạc một lúc thì có Lê Như S, trú tại thôn G, xã T đến xin tham gia đánh bạc; tiếp theo là Trịnh Minh T4, trú tại khu phố A, Q, thị trấn N và Lê Đức A, trú tại khu phố X, thị trấn N đến và tham gia chơi cùng; sau cùng là Nguyễn Văn T6 trú tại khu phố A, Q, thị trấn N đến xin tham gia đánh bạc. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/02/2025 khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an xã T, huyện N bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây, sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền.

Số tiền dùng vào đánh bạc của các bị cáo được xác định: G có 700.000đ, H có 840.000đ, K có 210.000đ, Quách Văn T2 có 700.000đ, S có 2.200.000đ, T4 có 1.200.000đ, A có 500.000đ, Nguyễn Văn T6 có 480.000đ.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSNL ngày 09 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2, Lê Như S, Trịnh Minh T4, Lê Đức A và Nguyễn Văn T6 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Dương Văn G, Phan Mạnh H, Quách Văn T2, Trịnh Minh T4 và Lê Đức A:

Xử phạt bị cáo Dương Văn G mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Mạnh H mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Quách Văn T2 mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T4 mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Đức A mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Lê Văn K và Lê Như S:

Xử phạt bị cáo Lê Văn K mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Như S mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS: Phạt tiền Nguyễn Văn T6 từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 BLHS: Phạt tiền Lê Như S và Lê Đức A, mỗi bị cáo từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2 và Trịnh Minh T4 gia đình có hoàn cảnh khó khăn đã được xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Các vật chứng còn lại đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Người làm chứng anh Ngô Khắc B2 thống nhất với nội dung sự việc như

cáo trạng của Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng anh Phan Văn C2 thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 02 tháng 02 năm 2025 đến 00 giờ 30 phút ngày 03 tháng 02 năm 2025, các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2, Lê Như S, Trịnh Minh T4, Lê Đức A và Nguyễn Văn T6 đã cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây "Liêng chào" ăn tiền tại nhà Dương Văn G, ở thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2, Lê Như S, Trịnh Minh T4, Lê Đức A và Nguyễn Văn T6 đã có hành vi phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Xét vai trò đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo Dương Văn G tham gia đánh bạc từ đầu và sử dụng nơi ở của mình để các bị cáo đánh bạc nên có vai trò thứ nhất trong vụ án.

Các bị cáo Phan Mạnh H, Lê Văn K và Quách Văn T2 tham gia đánh bạc từ đầu; bị cáo Lê Như S tham gia đánh bạc sau các bị cáo G, H, K, T2 nhưng có số tiền đánh bạc nhiều nhất nên các bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án.

Các bị cáo Trịnh Minh T4 và Lê Đức A tham gia đánh bạc sau các bị cáo trên nên có vai trò thứ ba trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Văn T6 tham gia đánh bạc sau cùng nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 02 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lê Văn K và bị cáo Lê Như S có thân nhân là người có công với

nước, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Quách Văn T2 và Trịnh Minh T4 có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo Lê Văn K và Lê Như S có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2, Lê Như S và Trịnh Minh T4 (Tuy bị cáo T4 đã bị xử phạt hành chính và bị xét xử nhưng được coi là không có án tính) có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên chưa cần cách ly khỏi xã hội mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để các bị cáo thành người công dân tốt là phù hợp với Điều 65 BLHS.

Bị cáo Lê Đức A có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có vai trò thứ ba trong vụ án, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo có thu nhập, cần khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày có thu nhập 7.500.000đ/tháng, nên số tiền khấu trừ hàng tháng của bị cáo là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn T6 có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có tài sản, cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Lê Như S và bị cáo Lê Đức A phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2 và Trịnh Minh T4 gia đình có hoàn cảnh khó khăn đã được xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ:

01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền dùng để phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

01 (Một) chiếc điện thoại di động và số tiền 1.520.000đ thu giữ của Nguyễn Văn T6, 01 (Một) chiếc điện thoại di động thu giữ của Lê Như S, số tiền 2.000.000đ thu giữ của Lê Đức A, xác định không liên quan đến vụ án, Cơ quan

Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc chiếu nhựa, các bị cáo sử dụng để đánh bạc, xác định chiếc chiếu nhựa thuộc sở hữu của anh Phan Văn C2; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh C2 không biết các bị cáo lấy chiếu sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên là đúng quy định của pháp luật và hành vi của anh C2 không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Dương Văn G, Phan Mạnh H, Quách Văn T2 và Trịnh Minh T4: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Quách Văn T2 và Trịnh Minh T4 phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt Dương Văn G 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phan Mạnh H 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Quách Văn T2 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trịnh Minh T4 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Lê Văn K và Lê Như S: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn K và Lê Như S phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt Lê Văn K 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Như S 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2 và Lê Như S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giáo dục trong thời

gian thử thách.

Giao các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2 và Lê Như S cho Công an xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Minh T4 cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Minh T4 cho Công an thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2, Lê Như S và Trịnh Minh T4 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của BLHS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Lê Đức A phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt Lê Đức A 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Khấu trừ 10% (Mười phần trăm) thu nhập của Lê Đức A trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Số tiền khấu trừ hàng tháng của bị cáo là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Giao bị cáo Lê Đức A cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Đức A cho Công an thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T6 phạm tội "Đánh bạc".

Phạt tiền Nguyễn Văn T6 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền Lê Như S và Lê Đức A, mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Dương Văn G, Phan Mạnh H, Lê Văn K, Quách Văn T2 và Trịnh Minh T4.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

(Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/5/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA tỉnh Thanh Hoá (PC 01);
- CQTHAHS CA tỉnh Thanh Hoá (PC 10);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Thịnh